

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tân Uyên**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023; số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 631/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tân Uyên; số 2982/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tân Uyên;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2472/TTr-STNMT ngày 15/9/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập

nhập vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tân Uyên đối với 19 công trình, dự án, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích đối với 05 công trình, dự án.
2. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích đối với 05 công trình, dự án.
3. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích đối với 03 công trình, dự án.
4. Điều chỉnh tăng về số lượng đối với 06 công trình, dự án và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.

*(Vị trí, diện tích và chi tiết các loại đất của từng công trình, dự án, khu đất được điều chỉnh, bổ sung có sơ đồ kèm theo)*

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên
  - a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.
  - b) Hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân hoàn thiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.
  - c) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.
2. Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư các dự án thủy điện thực hiện theo quy định về quản lý quy hoạch thủy điện.
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Chủ đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế (nếu có) và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
4. Sở Tài nguyên và Môi trường
  - a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.
  - b) Tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.
5. Chủ đầu tư các công trình, dự án và các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện công trình, dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tân Uyên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trọng Hải**

**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH,  
NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN TÂN UYÊN  
VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN TÂN UYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích (05)</b>								
1	Thủy điện Mường Mít	Xã Pắc Ta	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,71 ha; đất chuyên trồng lúa (LUC) 0,95 ha; đất sông suối (SON) 1,62 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1,52 ha.	2,74	Đất công trình năng lượng (DNL)	4,8	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 1018/QĐ-BCT ngày 29/3/2021 của Bộ Công thương về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch các dự án thủy điện Đông Pao và Mường Mít trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh ranh giới, quy mô, tăng diện tích thực hiện dự án do mở rộng diện tích lòng hồ để đảm bảo mực nước dâng bình thường của hồ chứa
2	Sân vận động xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,11 ha; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,24 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,017 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,05 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,004 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH) 0,43 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,019 ha.	0,6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (DTT)	0,87	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (DTT)	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh địa điểm xây dựng sân vận động trên cơ sở đề xuất của UBND xã Phúc Khoa
3	Thủy điện Nà An	Các xã Phúc Khoa, Mường Khoa	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,66 ha; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 2,99 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,94 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,02 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,02 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 2,43 ha; đất giao thông (DGT) 0,1 ha; đất sông suối (SON) 5,46 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 6,2 ha.	18,44	Đất công trình năng lượng (DNL)	19,82	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 2468/QĐ-BCT ngày 21/9/2020 của Bộ Công thương về phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh ranh giới, quy mô, tăng diện tích thực hiện dự án

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Thủy điện Nậm Khăn	Các xã Tà Mít, Nậm Sò, Nậm Cắn, Mường Khoa, Thân Thuộc, Trung Đông, thị trấn Tân Uyên	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,26 ha; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,07 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,72 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,02 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,45 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 9,22 ha; đất sông suối (SON) 8,92 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 18,61 ha.	3,50	Đất công trình năng lượng (DNL)	38,27	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tân Uyên; - Công văn số 28/CV-CT ngày 04/5/2023 của Công ty Cổ phần thủy điện Tây Hoàng Liên về đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án thủy điện Nậm Khăn trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Tân Uyên.	Điều chỉnh ranh giới, quy mô, tăng diện tích thực hiện dự án do trong quá trình khảo sát lại địa hình, địa chất khu vực thực hiện dự án cần phải điều chỉnh một số hạng mục để phù hợp với giải pháp thi công công trình
5	Khai thác đá granit làm vật liệu xây dựng thông thường và đá quarzit đi kèm tại xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	Đất rừng sản xuất (RSX) 3,47 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX) 1,94 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,22 ha.	3,5 ha	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX)	5,63	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX)	- Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Giấy phép khai thác khoáng sản số 1505/GP-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh.	Điều chỉnh ranh giới, quy mô, tăng diện tích thực hiện dự án để xây dựng bổ sung đường mở mỏ, đường vận tải, khu nhà phụ trợ và bãi đổ thải
<b>II Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích (05)</b>									
1	Tuyến đường dây 35kV đầu nối nhà máy thủy điện Hồ Mít vào TBA 110kV thủy điện Nậm Mít Luông	Các xã: Hồ Mít, Pắc Ta	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,05 ha; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,12 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,05 ha; Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,02 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,03 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,14 ha; đất giao thông (DGT) 0,02 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,05 ha	0,89	Đất công trình năng lượng (DNL)	0,6	Đất công trình năng lượng (DNL)	Các Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hồ Mít và số 34/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hồ Mít.	Điều chỉnh vị trí, ranh giới, quy mô, giảm diện tích thực hiện dự án
2	Thủy điện Nậm Mít Luông	Xã Pắc Ta	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 2,4 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,85 ha; đất chuyên	31,57	Đất công trình năng lượng	26,05	Đất công trình năng lượng	Quyết định số 4942/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 của Bộ Công thương về việc phê duyệt điều	Điều chỉnh vị trí, ranh giới, quy mô, giảm diện tích thực hiện dự án do

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			trồng lúa nước (LUC) 2,79 ha; đất sông suối (SON) 13,64 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 5,37 ha		(DNL)		(DNL)	chính Quy hoạch thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	điều chỉnh một số hạng mục để phù hợp với giải pháp thi công
3	Thủy điện Nậm Be 2	Xã Phúc Khoa và thị trấn Tân Uyên	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,5 ha; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 1,85 ha; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,4 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,2 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,01 ha; đất giao thông (DGT) 0,03 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,05 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,03 ha; đất công trình năng lượng (DNL) 4,93 ha	8,89 ha (chưa bao gồm công trình ngầm 0,71 ha)	Đất công trình năng lượng (DNL)	8,0 ha (chưa bao gồm công trình ngầm 0,8 ha)	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 802/QĐ-BCT ngày 08/3/2021 của Bộ Công thương về phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh vị trí, ranh giới, quy mô, giảm diện tích thực hiện dự án do điều chỉnh một số hạng mục để phù hợp với giải pháp thi công
4	Trồng và phát triển rừng sản xuất (cây gỗ lớn, giới, quế) huyện Tân Uyên	Xã Nậm Cắn, xã Nậm Sò, xã Tà Mít, xã Pắc Ta, xã Thân Thuộc	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 4,4 ha; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 29,7 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 25,3 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 135,5 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 2.219,3 ha	2.701,28	Đất rừng sản xuất (RSX)	2.414,2	Đất rừng sản xuất (RSX)	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023.	
5	Phát triển cây lâm nghiệp, trồng và chế biến chè hữu cơ tại xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sò	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 7,47 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 55,22 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 1,34 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 17,81 ha; đất giao thông (DGT) 0,21 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1.068,67 ha.	1.215,85	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 314,76 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 901,09 ha	1.168,56	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 314,76 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 835,96 ha	Công văn số 2002/UBND-TH ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh chấp thuận nghiên cứu khảo sát, đề xuất phương án đầu tư dự án phát triển nông, lâm nghiệp công nghệ cao tại Lai Châu.	
<b>III</b>	<b>Điều chỉnh về địa điểm không thay đổi về diện tích (03)</b>								
1	Thủy điện Hồ Mít	Xã Hồ Mít	Đất trồng lúa nước còn lại	5,34	Đất công	5,34	Đất công	Quyết định số 1175/QĐ-BCT	Điều chỉnh vị trí, ranh

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			(LUK) 1,77 ha; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 1,41 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 1,17 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,01 ha; đất giao thông (DGT) 0,03 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,1 ha; đất sông suối (SON) 0,27 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,58 ha		trình năng lượng (DNL)		trình năng lượng (DNL)	ngày 24/4/2020 của Bộ Công thương về phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	giới thực hiện dự án, quy mô dự án không thay đổi do điều chỉnh một số hạng mục để phù hợp với giải pháp thi công
2	Trồng và phát triển rừng phòng hộ huyện Tân Uyên	Các xã: Nậm Cắn, Tà Mít	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 20,83 ha; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 8,82 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 293,32 ha	322,97	Đất rừng phòng hộ (RPH)	322,97	Đất rừng phòng hộ (RPH)	- Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. - Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023.	Điều chỉnh vị trí, ranh giới thực hiện dự án, không thay đổi quy mô so với quy hoạch
3	Thủy điện Hua Chăng 2	Thị trấn Tân Uyên	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,19 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,01 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,06 ha; đất công trình năng lượng (DNL) 4,1 ha	4,36	Đất công trình năng lượng (DNL)	4,36	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 4942/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 của Bộ Công thương về phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh vị trí, ranh giới thực hiện dự án, quy mô dự án không thay đổi do thay đổi vị trí hạng mục tuyến đập
<b>IV</b>	<b>Điều chỉnh tăng về số lượng dự án, công trình (06)</b>								
1	Trường mầm non xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,1 ha			0,1	Đất cơ sở giáo dục (DGD)	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
2	Cấp nước sinh hoạt cụm xã Pắc Ta, Hồ Mít	Xã Hồ Mít	Đất rừng phòng hộ (RPH) 0,26 ha			0,26	Đất thủy lợi (DTL)	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh	
3	Đường trục vùng chè Nậm Phát - Nà Can	Xã Phúc Khoa	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,2 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,3 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,6			1,86	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,08 ha; đất giao thông (DGT) 0,6 ha; đất sông suối (SON) 0,01 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,07 ha						
4	Khai thác khoáng sản mỏ vật liệu san lấp Bó Lun, xã Pắc Ta	Xã Pắc Ta	Đất rừng sản xuất (RSX) 1,95 ha			1,95	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX)	Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh về công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ vật liệu san lấp Bó Lun, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên.	
5	Trồng và chế biến cây quế tại huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sô	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,9 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 2,7 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1,43 ha			5,03	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Công văn số 4828/UBND-TH ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh về phối hợp giải quyết đề xuất của Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ Suối Voi.	
6	Chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân	Xã Nậm Càn	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,22 ha			0,22	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân ngày 10/6/2023.	